

Bản án số: 73/2024/DS-ST

Ngày 15 - 8 - 2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Diên**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Xoa** và ông **Nguyễn Xuân Tùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Thùy Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 17.7.2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2024/TLST-DS ngày 11.3.2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-DS ngày 08.6.2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-DS ngày 26.6.2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 41/2024/QĐST-DS ngày 17.7.2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP K**. Trụ sở: 40 - 42 - D P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn T. Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ T1 và Tài chính vi mô - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ: A - A N, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Quyết định ủy quyền số: 3368A/QĐ-NHKL ngày 21.08.2023 và Quyết định ủy quyền số: 3586/QĐ-NHKL ngày 11.9.2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Hữu Q** - Sinh năm 1985. Địa chỉ: B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29.12.2023 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP K trình bày:

Ngày 22.5.2017, ông Nguyễn Hữu Q có ký với Ngân hàng TMCP K (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (Giấy đăng ký phát hành thẻ

kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1). Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Hữu Q, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng; lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 22%/năm; lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất trong hạn; phí phạt chậm trả bằng 50% lãi suất quá hạn. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu Q đã thực hiện 06 giao dịch với tổng số tiền 30.000.000 đồng; đã thanh toán được số tiền gốc là 15.005.172 đồng, tiền lãi là 1.258.452 đồng, tiền phí phạt chậm trả là 2.150.438 đồng và vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 05.01.2019.

Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Hữu Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Nguyễn Hữu Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10.02.2019, Ngân hàng đã tạm ngừng quyền sử dụng thẻ đối với ông Nguyễn Hữu Q.

Tính đến ngày 15.8.2024, ông Nguyễn Hữu Q còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 85.756.268 đồng (trong đó nợ gốc là 14.994.828 đồng, tiền lãi là 22.091.864 đồng; tiền phí phạt chậm trả là 36.244.311 đồng và tiền phí vượt hạn mức là 12.425.265 đồng). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi, phí phát sinh, kể từ ngày 16.8.2024 cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng ông Nguyễn Hữu Q không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Nguyễn Hữu Q phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền là 73.331.003 đồng (trong đó nợ gốc 14.994.828 đồng, tiền lãi 22.091.864 đồng, phí phạt chậm trả là 36.244.311 đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với yêu cầu thanh toán tiền phí vượt hạn mức là 12.425.265 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Hữu Q có nơi cư trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số: 25017145000150 ngày 22.5.2017 (bao gồm Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1) mà ông Nguyễn Hữu Q ký với Ngân hàng TMCP K thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

[2.2] Xét yêu cầu thanh toán nợ của Ngân hàng TMCP K:

[2.2.1] Đối với tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phạt chậm trả:

Mặc dù ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP K2. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (loại thẻ Visa credit Classic) mà ông Nguyễn Hữu Q ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 30.000.000 đồng; lãi suất 22%/năm; lãi suất quá hạn bằng 100% lãi suất trong hạn; phí phạt chậm trả bằng 50% lãi suất quá hạn (tương ứng 3,5% số tiền chậm trả, tối thiểu là 50.000 đồng và tối đa là 630.000 đồng); thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo thông báo của Ngân hàng TMCP K. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Nguyễn Hữu Q đã thực hiện các giao dịch rút tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng; đã thanh toán số tiền gốc là 15.005.172 đồng, tiền lãi là 1.258.452 đồng và tiền phí phạt chậm trả là 2.150.438 đồng.

Do ông Nguyễn Hữu Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP K đã tạm ngừng quyền sử dụng thẻ và yêu cầu thanh toán nợ là đúng với quy định tại khoản 6.2 Điều 6; điểm i khoản 11.1 Điều 11 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1. Tính đến ngày 15.8.2024, ông Nguyễn Hữu Q còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền là 73.331.003 đồng (trong đó nợ gốc 14.994.828 đồng, tiền lãi 22.091.864 đồng, phí phạt chậm trả là 36.244.311 đồng). Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 4 và khoản 6.2 Điều 6 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Nguyễn Hữu Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Hữu Q phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 15.8.2024 là 73.331.003 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 16.8.2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 22.5.2017.

[2.2.2] Đối với tiền phí vượt hạn mức:

Tại khoản 1.8 Điều 1 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 về giải thích từ ngữ thì hạn mức Thẻ tín dụng (HMTD): *“Là mức tín dụng tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà K1 cấp cho chủ thẻ”*.

Tại Điều 2 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 quy định:

2.1 Mỗi Thẻ được cấp một hạn mức Thẻ tín dụng áp dụng đối với các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ và ứng tiền mặt. Đối với giao dịch ứng tiền mặt, hạn mức tiền mặt có thể bằng hoặc nhỏ hơn HMTD.

...

2.4 Việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ có thể phát sinh các khoản phí, lãi dẫn đến dư nợ vượt HMTD được cấp và Chủ thẻ có nghĩa vụ phải thanh toán phần dư nợ vượt hạn mức này theo quy định của K1”.

Hạn mức thẻ tín dụng mà ông Nguyễn Hữu Q được cấp là 30.000.000 đồng. Từ khi sử dụng thẻ tính đến thời điểm bị tạm ngừng (khóa) quyền sử dụng thẻ (10.02.2019) thì ông Nguyễn Hữu Q còn số tiền nợ gốc là 14.994.828 đồng và chưa phát sinh phí vượt hạn mức. Theo thỏa thuận tại khoản 2.4 Điều 2 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 thì ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi và tiền phí phạt chậm trả. Các khoản này cộng lại nếu vượt quá HMTD (hạn mức tín dụng) thì ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán phần dư nợ

vượt hạn mức này cho Ngân hàng TMCP K. Nội dung này đã được giải quyết tại mục [2.2.1] như đã nêu trên.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số: 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Ngân hàng N về hoạt động thẻ ngân hàng quy định: “*Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật...*”.

Tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1 quy định: “***Phí sử dụng vượt hạn mức: Được tính một lần/kỳ khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD được cấp***”. Xét thấy, ông Nguyễn Hữu Q không được quyền sử dụng thẻ, kể từ ngày 10.02.2019 nhưng Ngân hàng TMCP K vẫn tính phí sử dụng vượt hạn mức phát sinh sau thời điểm bị ngừng thẻ (10.10.2020) là không phù hợp. Mặt khác, Ngân hàng TMCP K cộng các khoản nợ gốc, tiền lãi, phí phạt chậm trả (là khoản nợ phải thanh toán) để xác định Chủ thẻ sử dụng vượt hạn mức và tính phí sử dụng vượt hạn mức đối với ông Nguyễn Hữu Q là thực hiện chưa đúng thỏa thuận (khi Chủ thẻ sử dụng vượt quá HMTD) tại điểm f khoản 3.3 Điều 3 của Bản chấp thuận về điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng quốc tế K1.

Theo Điều 12 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì:

1. *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn.*

2. *Hợp đồng vay tài sản vừa có thỏa thuận phạt vi phạm, vừa có thỏa thuận lãi trên nợ gốc quá hạn hoặc hình thức khác áp dụng đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án căn cứ quy định tương ứng của Bộ luật Dân sự, Luật Các Tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự, Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất để xem xét, quyết định xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn theo nguyên tắc hướng dẫn tại khoản 1 Điều này”.*

Xét thấy, phát hành thẻ tín dụng là hoạt động của ngân hàng thương mại theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Việc áp dụng các loại phí, mức phí của từng loại thẻ và dịch vụ thẻ phải phù hợp với quy định của pháp luật. Ngân hàng TMCP K đã tính phí phạt chậm trả của số tiền chậm trả và cộng phí phạt chậm trả với tiền nợ gốc, tiền lãi để tính phí sử dụng vượt hạn mức đối với ông Nguyễn Hữu Q. Cách tính phí hai lần trên một hành vi vi phạm như vậy là không đúng nguyên tắc xử lý theo quy định nêu trên của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận phần yêu cầu thanh toán tiền phí vượt hạn mức của Ngân hàng TMCP K với số tiền là 12.425.265 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán. Đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, Ngân hàng TMCP K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Căn cứ Điều 100, 103 và 209 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Hữu Q.

Buộc ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền tính đến ngày 15.8.2024 là 73.331.003 đồng. Trong đó, nợ gốc là 14.994.828 đồng, tiền lãi 22.091.864 đồng, phí phạt chậm trả là 36.244.311 đồng.

Kể từ ngày 16.8.2024, ông Nguyễn Hữu Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ký kết ngày 22.5.2017 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu Q phải thanh toán số tiền phí vượt hạn mức là 12.425.265 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Hữu Q phải chịu là 3.666.550 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Ngân hàng TMCP K phải chịu là 621.263 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.869.160 đồng, còn hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền 1.247.897 đồng theo Biên lai thu số: 0000029 ngày 11.3.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Diện